

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2018

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Minh Trọn

Trần Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Mỹ Th, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi DKHKTT: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bé S, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi DKHKTT: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Mỹ Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Bé S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, ông S nhiều lần đánh đập, hành hạ bà, ông S còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy cuộc sống chung

không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Bé S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Bé S có ba người con chung tên là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1986; Nguyễn Văn K, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn K1, sinh năm 1993. Những người con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Mỹ Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Bé S. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Bé S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bé S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Mỹ Th và ông Nguyễn Bé S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Th và ông S không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Mỹ Th và ông Nguyễn Bé S.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Bé S có ba người con chung tên là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1986; Nguyễn Văn K, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn K1, sinh năm 1993. Hiện tại các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải nộp 300.000đ, bà Th đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Mỹ Th và ông Nguyễn Bé S.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia và đình sơ thẩm bà Th phải nộp 300.000đ, bà Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006768 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí..

Án xử sơ thẩm, bà Th có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Bé S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều